

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN&PTNT-KL
V/v cung cấp số liệu xây dựng Báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 624-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Thanh Hoá, ngày tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Ban Dân tộc.

Thực hiện Công văn số 1089/BDT-KHTH ngày 01/10/2024 của Ban Dân tộc về việc cung cấp số liệu xây dựng Báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 624-QĐ/TU ngày 23/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa cung cấp các thông tin, số liệu như sau:

1. Thực hiện các chỉ tiêu của Chương trình

Trong 28 chỉ tiêu của Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 624-QĐ/TU ngày 23/7/2021, lĩnh vực nông nghiệp có 01 chỉ tiêu dự kiến sẽ đạt kế hoạch đến năm 2025; 02 chỉ tiêu khả năng đến năm 2025 không đạt. Cụ thể:

1.1. Chỉ tiêu Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh (thuộc nhóm chỉ tiêu sẽ đạt kế hoạch đến năm 2025)

Đến nay, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đã đạt 94,75%. Dự kiến đến hết năm 2024, tỷ lệ này sẽ đạt 94,8%, do đó mục tiêu đến năm 2025 đạt 95% là khả quan.

a) Nguyên nhân đến nay chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu của Chương trình

- Nguyên nhân khách quan:

+ Mật độ dân số thấp, địa hình phức tạp trong khi điều kiện kinh tế của người dân còn khó khăn ảnh hưởng đến việc huy động người dân tham gia xây dựng các công trình nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

+ Nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước thực hiện các dự án thuộc Chương trình còn hạn chế, việc bố trí kinh phí để thực hiện các dự án nâng cấp, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn các huyện miền núi còn chậm.

- Nguyên nhân chủ quan:

Tập quán của người dân khu vực miền núi chủ yếu sử dụng nguồn nước suối, nước mó, các công trình cấp nước tự chảy quy mô thôn, bản và một số nguồn nước khác có quy mô nhỏ lẻ, manh mún; một số hộ dân chưa tích cực tham gia đầu nối nước sạch từ các công trình cấp nước tập trung.

b) Nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu Chương trình

- Triển khai công tác truyền thông về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn các huyện miền núi, từ đó giúp cho nhiều người dân khu vực miền núi nhận thức được tầm quan trọng của nước sạch đối với sức khỏe, đời sống của cá nhân và cộng đồng và tích cực tham gia đầu nối nước sạch từ các công trình cấp nước tập trung đang hoạt động trên địa bàn.

- Hướng dẫn các địa phương về giải pháp kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ đối với các chương trình, dự án địa phương có triển khai liên quan đến lĩnh vực cấp nước.

- Ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư hạ tầng nước sạch cho các địa phương vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, vùng bị thiệt hại nặng nề do mưa lũ, đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn các huyện miền núi.

1.2. Chỉ tiêu đầu tư nâng cấp các hồ, đập, bãi đập, các công trình thủy lợi đáp ứng nhu cầu tưới tiêu (thuộc nhóm chỉ tiêu dự báo khả năng không đạt đến năm 2025)

Đầu tư nâng cấp các hồ, đập, bãi đập, các công trình thủy lợi hiện nay đáp ứng được 92,9% nhu cầu tưới tiêu cho cây lúa; ước đến năm 2025 chỉ tiêu này đạt 93%, chưa hoàn thành mục tiêu 95% của Chương trình.

a) Nguyên nhân đến nay chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu của Chương trình.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, hạn hán, cạn kiệt nguồn nước nhất là khu vực miền núi thường xuyên chịu tác động của thời tiết cực đoan như lũ ống, lũ quét, sạt lở đất... nên công trình dễ bị hư hỏng, xuống cấp; công tác dự báo, cảnh báo, điều hành phân phối, cấp nước còn nhiều hạn chế.

+ Công trình xây dựng đã lâu, đầu tư công trình không đồng bộ, công trình đã xuống cấp dẫn, chưa được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên đến quá trình vận hành khai thác công trình thủy lợi còn gặp nhiều khó khăn, hiệu quả sử dụng thấp.

+ Các huyện miền núi đa số là người dân tộc thiểu số, đời sống kinh tế còn khó khăn, khó huy động người dân cùng tham gia đóng góp cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Cán bộ quản lý nhà nước về công tác thủy lợi từ cấp huyện, xã còn thiếu; trình độ của đội ngũ cán bộ, lao động quản lý thủy nông cơ sở còn nhiều hạn chế;

+ Kinh phí cho công tác đầu tư, sửa chữa các công trình thủy lợi còn hạn chế; chưa thu hút được nguồn đầu tư xã hội hóa.

+ Việc triển khai công tác tuyên truyền tại các địa phương chưa thường xuyên, liên tục nên nhận thức của người dân về tầm quan trọng của công tác thủy lợi còn yếu.

b) Nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu Chương trình

- Tăng cường đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng thủy lợi và nước sạch nông thôn. củng cố, đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng thủy lợi để đáp ứng phát triển nền nông nghiệp đa dạng; các hồ chứa vừa và nhỏ xuống cấp, gây mất an toàn trong mùa mưa lũ để chủ động cấp nước phục vụ nông nghiệp; đảm bảo an toàn hồ chứa nước, thích ứng với tình trạng biến đổi khí hậu; áp dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho cây trồng cận có giá trị kinh tế cao.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thủy lợi, nước sạch nông thôn. Triển khai các khóa tập huấn, các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, khai thác công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi và nước sạch nông thôn, nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội đối với công tác thủy lợi và tầm quan trọng của nước đến sức khỏe của người dân; hướng dẫn thi hành pháp luật về thủy lợi, phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan.

1.3. Chỉ tiêu số hộ dân đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất được quy hoạch, di dời đến các điểm dân cư nông thôn, khu dân cư mới, khu vực an toàn (thuộc nhóm chỉ tiêu dự báo khả năng không đạt đến năm 2025)

Triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025, đến nay đã thực hiện di dời được cho 282 hộ trên địa bàn 8 huyện theo các hình thức: Tái định cư xen ghép 131 hộ và tái định cư tập trung 151 hộ/04 khu. Có 17 dự án sắp xếp, ổn định cho 556 hộ dân (6 khu TĐC tập trung, 11 khu TĐC liên kè) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, hiện nay UBND các huyện đang triển khai thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư và thi công xây dựng. Sở Nông nghiệp và PTNT đang phối hợp với UBND các huyện miền núi rà soát, điều chỉnh Đề án sắp xếp, ổn định dân cư; xin ý kiến các sở, ban, ngành có liên quan và đã trình UBND tỉnh đúng thời gian và tiến độ theo quy định. Sau khi điều chỉnh Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 được phê duyệt, dự kiến đến hết năm 2025 sắp xếp ổn định cho 1.655 hộ.

a) Nguyên nhân đến nay chỉ tiêu chưa đạt mục tiêu của Chương trình

- Nguyên nhân khách quan:

+ Đa số các hộ dân bị ảnh hưởng thiên tai đang sinh sống trong khu vực vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, quỹ đất ở rất ít, chủ yếu là đất lâm nghiệp, trong khi đời sống kinh tế còn nghèo nên khó khăn khi tự mua đất ở tái định cư, chủ yếu trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước.

+ Quỹ đất ở rất hạn chế, các huyện miền núi có đặc điểm địa hình đồi núi cao, độ dốc lớn, chia cắt bởi nhiều sông, suối nên việc lựa chọn vị trí tái định cư đảm bảo an toàn càng khó khăn.

+ Nhiều vị trí dự kiến bố trí tái định cư cho các hộ dân cách xa trung tâm xã, huyện; cơ sở hạ tầng chưa được xây dựng đồng bộ, giao thông đi lại khó khăn, địa hình phức tạp, độ dốc cao, khối lượng đá rất lớn dẫn đến chi phí san nền, chi phí vận chuyển vật liệu, đầu tư cơ sở hạ tầng khu tái định cư lớn.

+ Các khu đất lựa chọn xây dựng tái định cư hầu hết là đất của các hộ dân hoặc đất giao khoán mà các hộ đang sản xuất. Do đó, khi thực hiện thu hồi đất để triển khai dự án phải thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng, trong khi đó các huyện miền núi đa phần là huyện nghèo chưa cân đối được kinh phí để thực hiện bồi thường.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Ngay sau khi Đề án được phê duyệt, UBND tỉnh và các sở, ngành đã có nhiều văn bản triển khai đến các huyện. Tuy nhiên, một số dự án khi thẩm định đề xuất báo cáo chủ trương đầu tư chưa đảm bảo trình phê duyệt do không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030; và các huyện cũng chưa khảo sát cụ thể diện tích, quy mô diện tích khu tái định cư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

+ Đối với các hộ dân thực hiện tái định cư xen ghép: Công tác kiểm tra, rà soát xác định các hộ dân đang sinh sống trong vùng ảnh hưởng thiên tai đã được các huyện quan tâm thực hiện và cập nhật vào Đề án. Tuy nhiên, các hộ dân chưa chủ động tìm được quỹ đất để di chuyển. Mặt khác, các huyện cũng chưa xây dựng kế hoạch để thực hiện di chuyển cho các hộ dân hoặc có phương án điều chỉnh hình thức sắp xếp, ổn định dân cư. Do đó, đến nay các hộ dân xen ghép mới thực hiện được 131/1.122 hộ.

- Về việc lựa chọn các khu tái định cư liền kề: UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo yêu cầu các địa phương căn cứ vào định mức hỗ trợ, chủ động rà soát quy mô đầu tư, lựa chọn phương án kỹ thuật, phương án bố trí các điểm dân cư phù hợp. Tuy nhiên, trong quá trình thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật, các địa phương cũng chưa sát sao chỉ đạo đơn vị tư vấn thực hiện. Do đó, đến nay trong 17 dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư mới chỉ có 07 dự án được phê duyệt và đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo; các dự án còn lại gặp khó khăn, vướng mắc về kinh phí giải phóng mặt bằng và tổng mức đầu tư.

b) Nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu Chương trình

- Phối hợp với UBND các huyện miền núi tiếp tục rà soát, cập nhật các hộ dân phát sinh ngoài Đề án và các nội dung đề xuất điều chỉnh, bổ sung báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- UBND các huyện chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chuyên môn có liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

- Thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, khuyến khích các hộ gia đình còn dư quỹ đất ở nơi an toàn chuyên nhượng cho các hộ thuộc đối tượng ảnh hưởng thiên tai cần phải di chuyển tái định cư để các hộ này ổn định cuộc sống tại nơi ở mới.

(Chi tiết tại Phụ biểu 01 kèm theo)

2. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

Tại kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi Thanh Hóa, giai đoạn 2021 - 2025, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao chủ trì thực hiện 03 đề án, dự án, cụ thể:

2.1. Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 với tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ là 549.775 triệu đồng. Trong đó, nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ 511.280 triệu đồng (bao gồm kinh phí hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng là 390.300 triệu đồng, kinh phí hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình là 120.980 triệu đồng) và nguồn huy động từ các tổ chức, Mặt trận Tổ quốc, xã hội hóa, nhà tài trợ hỗ trợ hộ gia đình là 38.495 triệu đồng.

Từ năm 2021 đến tháng 9 năm 2024, kinh phí đã đầu tư để thực hiện Đề án là 188.003 triệu đồng vốn ngân sách tỉnh (*vốn đầu tư phát triển 178.383 triệu đồng, vốn sự nghiệp 9.620 triệu đồng*). Sau khi rà soát, cập nhật điều chỉnh Đề án, trình UBND xem xét phê duyệt dự kiến kinh phí dự kiến huy động từ tháng 9 năm 2024 đến hết năm 2025 là 433.762 triệu đồng ngân sách tỉnh (*vốn đầu tư phát triển 321.617 triệu đồng, vốn sự nghiệp 112.145 triệu đồng*).

2.2. Dự án nâng cấp, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn các huyện miền núi.

Năm 2022, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với UBND các huyện, xã 11 huyện miền núi rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình cấp nước bị hư hỏng, trên cơ sở đó lập đề xuất dự án báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT. Ngày 29/6/2022 Sở Nông nghiệp và PTNT đã báo cáo UBND tỉnh tại công văn số 2550/SNN&PTNT-TKHTC về việc đề xuất chủ trương đầu tư dự án nâng cấp, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung bị hư hỏng, xuống cấp trên địa

bàn các huyện miền núi. UBND tỉnh đã có Công văn số 11599/UBND-NN ngày 08/8/2022 về việc đầu tư dự án nâng cấp, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn các huyện miền núi. Theo đó, giao Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tài chính, Ban Dân tộc, VP Điều phối Nông thôn mới tỉnh để ưu tiên bố trí vốn nâng cấp, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn các huyện miền núi từ các nguồn vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh và vốn các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 – 2025 và giao UBND các huyện: Mường Lát, Quan Hóa, Quan Sơn, Bá Thước, Thường Xuân, Lang Chánh, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy, Như Xuân rà soát các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn đã được đầu tư nhưng bị hư hỏng, xuống cấp, không còn hoạt động để đề xuất ưu tiên bố trí vốn nâng cấp, cải tạo, duy tu, bảo dưỡng từ các nguồn vốn Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 nhằm đưa công trình vào sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí. Tuy nhiên đến nay nguồn vốn thực hiện Dự án chưa được bố trí.

2.3. Dự án phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân (Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình MTQG Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).

Giai đoạn 2022-2024, kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương đã phân bổ để thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 là 128.449,2 triệu đồng, trong đó năm 2022 là 32.214 triệu đồng, năm 2023 là 49.668,2 triệu đồng, năm 2024 là 46.567 triệu đồng. Dự kiến năm 2025, kinh phí cần phân bổ để thực hiện dự án là 85.232 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ biểu 02 kèm theo)

3. Các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2025 – 2030

3.1. Mục tiêu

Khai thác và phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế trong khu vực; tranh thủ tối đa các nguồn lực từ bên ngoài để đẩy mạnh phát triển kinh tế, thu hẹp khoảng cách về mức sống của người dân miền núi so với miền xuôi, giảm dần địa bàn thuộc diện đặc biệt khó khăn. Quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, liên vùng, kết nối thuận lợi với các vùng trong tỉnh và ngoài tỉnh.

3.2. Đề xuất chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Đầu tư nâng cấp các hồ, đập, bai đập, các công trình thủy lợi đáp ứng $\geq 95\%$ nhu cầu tưới tiêu cho cây lúa.

- Dự kiến xây dựng Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2026-2030 nhằm sắp xếp ổn định cho 1.219 hộ (*là các hộ chưa được sắp xếp, ổn định giai đoạn 2021-2025*).

3.3. Giải pháp

- Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai: củng cố, đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng thủy lợi để đáp ứng phát triển nền nông nghiệp đa dạng; các hồ chứa vừa và nhỏ xuống cấp, gây mất an toàn trong mùa mưa lũ để chủ động cấp nước phục vụ nông nghiệp; đảm bảo an toàn hồ chứa nước, thích ứng với tình trạng biến đổi khí hậu; áp dụng công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao.

- Cơ cấu lại ngành nông nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; ứng dụng công nghệ cao, thông minh và thực hiện tích tụ tập trung đất đai để hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn, hiệu quả cao theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm; sản xuất nông nghiệp gắn với phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động hợp lý, các hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả; môi trường sinh thái được bảo vệ, cảnh quan môi trường nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; các giá trị văn hóa ở nông thôn được giữ gìn và phát huy; quốc phòng và an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được nâng cao.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và các biện pháp kỹ thuật phát triển sản xuất; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với lợi thế, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi diện tích đất trồng lúa, sắn, cao su... hiệu quả thấp sang các cây trồng khác có hiệu quả cao hơn như cây ăn quả, cây gai...; đưa các giống mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao vào sản xuất.

Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị Ban Dân tộc tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/cáo);
- Lưu: VT, KL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Đức Thuận